

Bản án số: 156/2022/HS-ST  
Ngày: 29 - 8 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Từ Hồng Hải

+ Bà Nguyễn Thị Phương Thùy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Đăng Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST - HS ngày 17/8/2022 đối với bị cáo:

*Họ và tên:* **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 2001, tại: Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số C đường L, Phường S, Quận L1, Thành phố Hải Phòng; trình độ H vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Trường S, sinh năm: 1973 và bà: Hà Thị Thúy T, sinh năm: 1978; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 18/4/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố Đà Lạt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn T2 S1, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Số M đường N, Phường T3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Trần Thị Tuyết T1, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số B đường A, Phường M1, thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

3. Ông Đỗ Quang Q, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số 02 Hồ Tùng Mậu, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số M đường N, phường S, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5. Bà Vương Thị Lệ Y, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số H đường P, phường H, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

6. Bà Đoàn Hồ Minh H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số B tổ H, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

7. Bà Mai Thị T2, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Số 18/6/2 Bùi Thị Xuân, Phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

8. Bà Võ H Tường V, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số 42 Đào Duy Từ, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

9. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số 23A KQH V1, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

10. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số H đường P, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

11. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Hẻm H đường L, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

12. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Hẻm H đường X, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

13. Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Số S đường T, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

14. Bà Lê Thị Hải Y, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Số S đường T, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

15. Bà Trần Thị N2, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Số B đường H, Phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng..

*(Bị cáo có mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là bạn bè với nhau, khoảng tháng 10 năm 2020, cả hai vào thành phố Đà Lạt thuê trọ cùng nhau. Tại đây, S1 rủ H cùng thực hiện việc cho vay tiền với lãi suất cao, để thực hiện hành vi cho vay lấy lãi, S1 sử dụng tiền tích góp của bản thân rồi đặt in 1.000 tờ giấy kích thước 10x12cm với nội dung “CHO VAY TRẢ GÓP 079.35.99.716”, sau đó S1 và H đi dán lên cột điện tại các đường trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Sau khi có người liên hệ vay tiền, S1 và H đến gặp trực tiếp người vay để xác Đ nơi ở, khả năng trả tiền vay, tiền lãi; thỏa thuận về mức tiền vay, lãi suất cho vay dao động từ 30% - 42%/ tháng/khoản vay, hình thức trả góp theo ngày với chu kỳ vay là 25 ngày, khi đưa tiền cho người vay, S1 và H khấu trừ một khoản tiền phí từ 150.000 đồng tới 750.000 đồng tùy từng khoản vay. Hàng ngày, S1 và H trực tiếp đi thu tiền góp hoặc người vay chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của S1 mở tại Ngân Hàng TMCP Á Châu - STK: 789118888. Khi cho vay S1 và H không viết giấy tờ cho vay mà giữ giấy tờ tùy thân như CMND, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của khách hàng vay. Việc quản lý hoạt động cho vay, S1 sử dụng điện thoại cá nhân làm phương tiện liên lạc người vay để thu tiền gốc và tiền lãi và ghi chép tên cùng số tiền vay vào mục “Ghi chú”

trên điện thoại. Số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay S1 sử dụng để cùng H tiêu xài cá nhân và tiếp tục cho những người khác vay tiền.

Quá trình điều tra xác Đ cụ thể 14 người vay tiền của Nguyễn T2 S1, Nguyễn Hữu H cụ thể như sau:

1. Trần Thị Tuyết T1 - Sinh năm: 1970, địa chỉ: 34 Ánh Sáng, Phường 1, TP Đà Lạt vay 02 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 12/2020, bà Trần Thị Tuyết T1 vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 42%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà T1 thực nhận từ bị can là 2.400.000 đồng (bị can thu tiền phí 300.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng), mỗi ngày bà T1 phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà T1 đã trả đủ 3.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 1.020.238 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 720.238 đồng và tiền phí vay là 300.000 đồng).

+ *Lần 2*: Ngày 21/02/2021, bà T1 tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 42%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà T1 thực nhận là 2.400.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 300.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà T1 phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà T1 đã trả 750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 528.169 đồng và tiền lãi là 221.831 đồng), bà T1 còn nợ của bị can tiền gốc là 2.471.831 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 513.028 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 213.028 đồng và tiền phí vay là 300.000 đồng).

Tổng số tiền Trần Thị Tuyết T1 đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 6.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 4.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.528.169 đồng, tiền lãi hợp pháp là 38.565 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 933.266 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.533.266 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 933.266 đồng và tiền phí vay là 600.000 đồng).

2. Đỗ Quang Quý - Sinh năm: 1984, địa chỉ: 02 Hồ Tùng Mậu, Phường 10, TP Đà Lạt vay 04 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 12/2020, ông Đỗ Quang Quý vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền ông Quý thực nhận là 2.550.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 150.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày ông Quý phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này ông Quý đã trả đủ số tiền 3.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 865.378 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 715.278 đồng và tiền phí vay là 150.000 đồng).

+ *Lần 2*: ông Quý tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền ông

Quý thực nhận là 4.250.000 đồng (bị can thu tiền phí 250.000 đồng và 02 ngày góp là 500.000 đồng). Mỗi ngày ông Quý phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này ông Quý đã trả đủ số tiền là 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.250.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 1.442.130 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.192.130 đồng và tiền phí vay là 250.000 đồng).

+ *Lần 3*: ông Quý tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H với số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền ông Quý thực nhận là 4.250.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 250.000 đồng và 02 ngày góp là 500.000 đồng). Mỗi ngày ông Quý phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này ông Quý đã trả đủ số tiền là 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.250.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 1.442.130 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.192.130 đồng và tiền phí vay là 250.000 đồng).

+ *Lần 4*: Cuối tháng 01/2021, ông Quý tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền ông Quý thực nhận là 4.250.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 250.000 đồng và 02 ngày góp là 500.000 đồng). Mỗi ngày ông Quý phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này ông Quý đã trả được số tiền 4.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.941.176 đồng và tiền lãi là 1.058.824 đồng), hiện nay ông Quý còn nợ lại 2.058.824 đồng tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 1.259.804 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.009.804 đồng và tiền phí vay là 250.000 đồng).

Tổng số tiền Đỗ Quang Quý đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 18.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 20.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 15.941.176 đồng, tiền lãi hợp pháp là 199.482 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 4.109.342 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.009.342 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 4.109.342 và tiền phí vay là 900.000 đồng).

3. Nguyễn Văn Đ - Sinh năm: 1986, địa chỉ: 104 Ngô Quyền, Phường 6, TP Đà Lạt vay 01 lần.

Ngày 21/02/2021, ông Nguyễn Văn Đ vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 5.000.000 đồng, lãi suất là 30%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền ông Đ thực nhận là 4.500.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày góp là 500.000 đồng). Mỗi ngày ông Đ phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày. Khi cho vay tiền S1 và H có giữ của ông Đ 01 giấy CMND mang tên Nguyễn Văn Đ, khoản vay này ông Đ đã trả được 05 ngày tiền gốc và tiền lãi là 1.250.000 đồng và còn nợ lại tiền gốc là 4.038.462 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 272.436 đồng.

4. Vương Thị Lệ Y - Sinh năm: 1975, địa chỉ: 237 Phan Đình Phùng, Phường 2, TP Đà Lạt vay 02 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 12/2020, bà Vương Thị Lệ Y vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 15.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Y thực nhận là 12.750.000 đồng (bị can thu tiền phí 750.000 đồng và 02 ngày góp là 1.500.000 đồng). Mỗi ngày bà Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 750.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Yên đã trả đủ số tiền là 18.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 1.750.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 4.326.389 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 3.576.389 đồng và tiền phí vay là 750.000 đồng).

+ *Lần 2*: Tháng 1/2021, bà Y tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 15.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Y thực nhận là 12.750.000 đồng (bị can thu tiền phí 750.000 đồng và 02 ngày góp là 1.500.000 đồng). Mỗi ngày bà Yên phải trả tiền gốc và tiền lãi là 750.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Yên đã trả được số tiền gốc và lãi 7.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.514.706 đồng và tiền lãi là 1.985.294 đồng), hiện nay bà Yên còn nợ của bị can tiền gốc là 9.485.294 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 2.643.382 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.893.382 đồng và tiền phí vay là 750.000 đồng).

Tổng số tiền Vương Thị Lệ Y đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 30.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 26.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.514.706 đồng, tiền lãi hợp pháp là 265.523 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 5.469.771 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 6.969.771 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 4.469.771 và tiền phí vay là 1.500.000 đồng).

5. Đoàn Hồ Thị Minh H - Sinh năm: 1980, địa chỉ: 445 tổ 23 Tự Phước, Phường 11, TP Đà Lạt vay 02 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 12/2020, bà Đoàn Hồ Thị Minh H vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà H thực nhận là 9.000.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày góp là 1.000.000 đồng). Mỗi ngày bà H phải trả tiền gốc và tiền lãi là 500.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, hiện nay bà Hạnh đã trả đủ tiền gốc, tiền lãi là 12.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 2.500.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 2.361.111 đồng.

+ *Lần 2*: Tháng 1/2021, bà H tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà H thực nhận là 9.000.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày góp là 1.000.000 đồng). Mỗi ngày bà H phải trả tiền gốc và tiền lãi là 750.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Hạnh đã trả được số tiền 2.800.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.153.846 đồng và tiền lãi là 646.154 đồng), hiện nay còn nợ lại tiền gốc là 7.846.154 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 610.256 đồng.

Tổng số tiền Đoàn Hồ Thị Minh H vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 20.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 15.300.000 đồng (trong đó tiền gốc là

12.153.846 đồng, tiền lãi hợp pháp là 174.786 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 2.971.367 đồng).

6. Mai Thị T2 - Sinh năm: 1990, địa chỉ: 18/6/2 Bùi Thị Xuân, Phường 2, TP Đà Lạt vay 02 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 10/2020, bà Mai Thị T2 vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà T2 thực nhận là 2.550.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 150.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà T2 phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Thái đã trả được tiền gốc, tiền lãi là 3.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 865.278 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 715.278 đồng và tiền phí vay là 150.000 đồng).

+ *Lần 2*: Ngày 08/2/2021, bà T2 tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Thái thực nhận là 4.250.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 250.000 đồng và 02 ngày góp là 500.000 đồng). Mỗi ngày bà T2 phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Thái đã trả được số tiền là 2.500.000 đồng trong đó tiền gốc là 1.838.235 đồng và tiền lãi là 661.765 đồng), hiện còn nợ lại số tiền gốc là 3.161.765 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 881.127 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 631.127 đồng và tiền phí vay là 250.000 đồng).

Tổng số tiền Mai Thị T2 đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 8.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.838.235 đồng, tiền lãi hợp pháp là 65.359 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 1.346.405 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.746.405 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.346.405 đồng và tiền phí vay là 400.000 đồng).

7. Võ H Tường V - Sinh năm: 1989, địa chỉ: 42 Đào Duy Từ, Phường 4, TP Đà Lạt vay 04 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 11/2020, bà Võ H Tường V vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà V thực nhận là 2.700.000 đồng (bị can trước 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà V phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà V đã trả được số tiền 3.450.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.653.846 đồng và tiền lãi là 796.154 đồng), hiện nay còn nợ tiền gốc là 346.154 đồng. Số tiền bị can thu lợi bất chính là 751.923 đồng.

+ *Lần 2*: Tháng 12/2020, bà V tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 4.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà V thực nhận là 3.600.000 (bị can trước 02 ngày góp là 400.000 đồng). Mỗi ngày bà V phải trả tiền gốc và tiền lãi là 200.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà V đã trả cho bị can số tiền là 4.600.000 đồng (trong đó tiền gốc là

3.538.462 đồng và tiền lãi là 1.061.538 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 461.538 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.002.564 đồng.

+ *Lần 3*: Tháng 01/2021, bà V tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà V thực nhận là 4.500.000 đồng (bị can trước 02 ngày góp là 500.000 đồng). Mỗi ngày bà V phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà V đã trả được số tiền 5.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.423.077 đồng và tiền lãi là 1.326.923 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 576.923 đồng. Số tiền S1 và Hoang thu lợi bất chính là 1.253.205 đồng.

+ *Lần 4*: Tháng 02/2021, bà V tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà V thực nhận là 2.700.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà V phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà V đã trả được số tiền 900.000 đồng (trong đó tiền gốc là 692.208 đồng và tiền lãi là 207.692 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 2.307.792. Số tiền S1 và H thu lợi bất chính là 196.154 đồng.

Tổng số tiền Võ H Tường V đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 15.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 14.700.000 đồng (trong đó tiền gốc là 11.307.692 đồng, tiền lãi hợp pháp là 188.462 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 3.203.846 đồng). Tổng số tiền gốc bà V còn nợ lại là 3.692.407 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.203.846 đồng.

8. Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1985, địa chỉ: 23A KQH H Văn Thụ, Phường 4, TP Đà Lạt vay 01 lần.

Cuối tháng 12/2020, ông Nguyễn Văn H vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 15.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền ông H thực nhận từ bị can là 13.500.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày góp là 1.500.000 đồng). Mỗi ngày ông H phải trả tiền gốc và tiền lãi là 750.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này ông H đã trả được số tiền là 10.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 8.076.923 đồng và tiền lãi là 2.423.007 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 6.923.077 đồng. Số tiền S1 và Hoang thu lợi bất chính là 2.288.462 đồng.

9. Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1975, địa chỉ: 02 Phạm Hồng T2, Phường 10, TP Đà Lạt vay 04 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 12/2020, bà Nguyễn Thị L vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà L thực nhận là 2.550.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 150.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà L phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà L đã trả được số tiền là 3.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng). Số tiền S1 và

H thu lợi bất chính là 865.278 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 715.278 đồng và tiền phí vay là 150.000 đồng).

+ *Lần 2*: Tháng 01/2021, bà L tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà L thực nhận là 2.550.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 150.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà L phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà L đã trả được số tiền là 3.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 865.278 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 715.278 đồng và tiền phí vay là 150.000 đồng).

+ *Lần 3*: Tháng 02/2021, bà L tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà L thực nhận từ bị can là 2.550.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 150.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà L phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà L đã trả đủ số tiền là 3.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 865.278 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 715.278 đồng và tiền phí vay là 150.000 đồng).

+ *Lần 4*: Ngày 24/02/2021, bà L tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà L thực nhận là 2.550.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 150.000 đồng và 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà L phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà L đã trả được số tiền là 750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 551.471 đồng và tiền lãi là 198.529 đồng), hiện còn nợ lại tiền gốc là 2.448.529 đồng. Số tiền S1 và H thu lợi bất chính là 339.338 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 189.338 đồng và tiền phí vay là 150.000 đồng).

Tổng số tiền Nguyễn Thị L đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 12.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 2.448.529 đồng (trong đó tiền gốc là 9.551.471 đồng, tiền lãi hợp pháp là 113.328 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 2.335.172 đồng). Tổng số tiền gốc bà L còn nợ lại là 2.448.529 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 2.935.172 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 2.335.172 và tiền phí vay là 600.000 đồng).

10. Trần Thị B - Sinh năm: 1960, địa chỉ: Hẻm 27 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP Đà Lạt vay 03 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 11/2020, bà Trần Thị B có vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà B thực nhận là 4.250.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 250.000 đồng và 02 ngày góp là 500.000 đồng). Mỗi ngày bà B phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Bồng đã trả được số tiền là 3.500.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 2.750.000 đồng bà Bồng trừ vào khoản vay thứ



hai nên tổng số tiền lần vay này bà Bồng đã trả cho bị can là 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.250.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 1.442.130 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.192.130 đồng và tiền phí vay là 250.000 đồng).

+ Lần 2: Tháng 12/2020, bà B tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H với số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà B thực nhận là 1.500.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 250.000 đồng, 02 ngày góp là 500.000 đồng và số tiền còn nợ của khoản vay thứ nhất là 2.750.000 đồng). Mỗi ngày bà B phải trả tiền gốc và tiền lãi là 250.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Bồng đã trả được số tiền là 3.500.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 2.750.000 đồng bà Bồng trừ vào khoản vay thứ ba nên tổng số tiền lần vay này bà Bồng đã trả là 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng và tiền lãi là 1.250.000 đồng). Số tiền thu lợi bất chính là 1.442.130 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.192.130 đồng và tiền phí vay là 250.000 đồng).

+ Lần 3: Tháng 01/2021, bà B tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 5.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Bồng thực nhận là 1.500.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 250.000 đồng, 02 ngày góp là 500.000 đồng và số tiền còn nợ của khoản vay thứ nhất là 2.750.000 đồng), khoản vay này bà Bồng đã trả được số tiền là 3.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.389.706 đồng và tiền lãi là 860.294 đồng), hiện còn nợ lại số tiền gốc là 2.610.294 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.070.466 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 820.466 đồng và tiền phí vay là 250.000 đồng).

Tổng số tiền Trần Thị B đã vay của S1 và H là 15.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 15.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 12.389.706 đồng, tiền lãi hợp pháp là 155.569 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 3.204.725 đồng). Tổng số tiền gốc bà B còn nợ lại là 2.610.294 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 3.954.725 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 3.204.725 và tiền phí vay là 750.000 đồng).

11. Nguyễn Thị Tuyết Vân - Sinh năm: 1983, địa chỉ: 28/1 Nguyễn Viết Xuân, Phường 4, TP Đà Lạt vay 01 lần.

Ngày 22/02/2021, bà Nguyễn Thị Tuyết Vân vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Vân thực nhận là 2.700.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày góp là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà Vân phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Vân đã trả được số tiền 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.153.846 đồng và tiền lãi là 346.154 đồng). Lần vay này, bà Vân còn nợ lại số tiền gốc là 1.461.538 đồng, số tiền S1 và H thu lợi bất chính là 326.923 đồng.

12. Phạm Thị S - Sinh năm: 1947, địa chỉ: 63 Thông Thiên H, Phường 2, TP Đà Lạt vay 01 lần.

Tháng 01/2021, bà Phạm Thị S vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 10.000.000 đồng với lãi suất là 42%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà S thực nhận là 8.000.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 1.000.000 đồng, 02 ngày góp là 1.000.000 đồng). Mỗi ngày bà S phải trả tiền gốc và tiền lãi là 500.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà S đã trả được số tiền 12.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 8.450.704 đồng và tiền lãi là 3.549.296 đồng), hiện còn nợ lại số tiền gốc là 1.549.296 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.908.451 đồng (gồm: tiền phí vay là 1.000.000 đồng và tiền lãi bất hợp pháp là 3.409.451 đồng).

13. Lê Thị Hải Y - Sinh năm: 1947, địa chỉ: 63 Thông Thiên H, Phường 2, TP Đà Lạt vay 04 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 11/2020, bà Lê Thị Hải Y vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 6.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng và thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Y thực nhận là 5.100.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 300.000 đồng và 02 ngày góp là 600.000 đồng). Mỗi ngày bà Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 300.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Y đã trả đủ 25 ngày tiền gốc, tiền lãi là 7.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi là 1.500.000 đồng). Số tiền S1 và H thu lợi bất chính là 1.730.556 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.430.556 đồng và tiền phí vay là 300.000 đồng).

+ *Lần 2*: Tháng 12/2020, bà Y tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Y thực nhận là 5.100.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 300.000 đồng và 02 ngày góp là 600.000 đồng). Mỗi ngày bà Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 300.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Y đã trả được số tiền 5.100.000 đồng, còn lại 2.400.000 đồng trừ vào khoản vay sau. Số tiền thu lợi bất chính là 1.730.556 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.430.556 đồng và tiền phí vay là 300.000 đồng).

+ *Lần 3*: Tháng 01/2021, bà Y tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền là 6.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Y thực nhận là 3.000.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày góp là 600.000 đồng và trừ đi số tiền còn nợ lại của khoản vay thứ 2 là 2.400.000 đồng). Mỗi ngày bà Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 300.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Y đã trả đủ số tiền 7.500.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi là 1.500.000 đồng). Số tiền S1 và H thu lợi bất chính là 1.416.667 đồng.

+ *Lần 4*: Cuối tháng 01/2021, bà Y tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền 6.000.000 đồng với lãi suất là 36%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà Y thực nhận là 5.100.000 đồng (S1 và H thu tiền phí 300.000 đồng và 02 ngày góp là 600.000 đồng). Mỗi ngày bà Y phải trả tiền gốc và tiền lãi là 300.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà Y đã trả được số tiền 6.900.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 5.073.529 đồng và tiền lãi là 1.826.471 đồng), hiện còn nợ lại 926.471 đồng tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính là 2.041.912 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 1.741.912 đồng và tiền phí vay là 300.000 đồng).

Tổng số tiền Lê Thị Hải Y đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 24.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 29.400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 23.073.529 đồng, tiền lãi hợp pháp là 306.781 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 6.019.690 đồng). Tổng số tiền gốc bà Y còn nợ lại là 926.471 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 6.919.690 đồng (gồm: tiền lãi bất hợp pháp là 6.019.690 và tiền phí vay là 900.000 đồng).

14. Trần Thị N2 - Sinh năm: 1986, địa chỉ: 42/1 Hai Bà Trưng, Phường 6, TP Đà Lạt vay 02 lần.

+ *Lần 1*: Tháng 11/2020, bà Trần Thị N2 vay của Nguyễn Thị S1 số tiền là 3.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà N2 thực nhận là 2.700.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày gốc và lãi là 300.000 đồng). Mỗi ngày bà N2 phải trả tiền gốc và tiền lãi là 150.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà N2 đã trả đủ số tiền 3.750.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng). Số tiền S1 và H thu lợi bất chính là 708.333 đồng.

+ *Lần 2*: Tháng 02/2021, bà N2 tiếp tục vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất là 30%/tháng, thời hạn vay là 25 ngày. Số tiền bà N2 thực nhận là 3.600.000 đồng (S1 và H thu trước 02 ngày gốc và lãi là 400.000 đồng). Mỗi ngày bà N2 phải trả tiền gốc và tiền lãi là 200.000 đồng trong thời hạn là 25 ngày, khoản vay này bà N2 đã trả đủ số tiền 5.000.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 1.000.000 đồng). Số tiền bị can thu lợi bất chính là 944.444 đồng.

Tổng số tiền Trần Thị N2 đã vay của Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H là 7.000.000 đồng; tổng số tiền đã trả là 8.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp là 97.222 đồng, tiền lãi bất hợp pháp là 1.652.778 đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính là 1.652.778 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị S1 và Nguyễn Hữu H đã cho 14 người vay là 188.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi S1 và H đã thu được là: 39.458.457 đồng (trong đó: số tiền lãi hợp pháp là 1.915.825 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là: 37.542.632 đồng). Tổng số tiền phí vay mà S1 và H đã thu được là 6.650.000 đồng, nên tổng số tiền thu lợi bất chính thu được là 44.192.632 đồng (BL: 58 - 72; 78 - 203).

*Vật chứng thu giữ*: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Hữu H; 01 thẻ ATM mã thẻ 9704151545430333 mang tên Nguyễn Hữu H (BL: 204).

Tại bản cáo trạng số 154/CT-VKS ngày 25/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa*, bị cáo Nguyễn Hữu H khai nhận, do không có nghề nghiệp ổn định, để thu lợi bất chính bị cáo đã cùng Nguyễn Thị S1 cho 14 người vay tiền với lãi suất giao động từ 30% đến 42%/tháng/số tiền vay, hình thức trả góp theo ngày với chu kỳ vay là 25 ngày. H là người trực tiếp cùng S1 thu tiền góp hoặc người vay

tiền chuyển vào tài khoản ngân hàng của S1 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu. Số tiền lãi thu được H và S1 cùng nhau tiêu xài cá nhân như cáo trạng truy tố là hoàn toàn chính xác; bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Sau phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, cản trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 18/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do Nguyễn Hữu H không có công việc ổn Đ nên không áp dụng hình phạt bổ S đối với bị cáo.

*Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập xem xét,*

*Về xử lý vật chứng:* Trả cho bị cáo 01 căn cước công dân và 01 thẻ ATM mã thẻ 9704151545430333 đều mang tên Nguyễn Hữu H.

### **NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu H:* Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 tại địa bàn thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Nguyễn Hữu H đã có hành vi giúp sức cho Nguyễn Thị S1 cho 14 người vay tổng số tiền 188.000.000 đồng để lấy lãi suất từ 360%/năm tới 504%/năm, cao hơn mức lãi suất vay cao nhất gấp 18 đến 25,2 lần theo quy Đ tại Điều 468 của Bộ luật dân sự hiện hành và thu lợi bất chính với số tiền 44.192.632đ (Bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng), S1 và H cùng tiêu xài cá nhân. Trong quá trình khởi tố điều tra, S1 đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã vào ngày 18/4/2022.

[3] Xét thấy, Nguyễn Hữu H là người đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ việc thường xuyên cho người khác vay tiền lấy lãi suất quá cao so với quy Đ của Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn cho nhu cầu của cá nhân bị cáo vẫn tham thực hiện. Hành vi của Nguyễn Hữu H không chỉ gây thiệt hại cho lợi ích của người vay, xâm phạm vào quy Đ của Nhà nước về hoạt động tín dụng mà còn là nguyên nhân dẫn đến những vi phạm tội khác, gây mất an toàn, trật tự xã hội tại địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị

cáo tại phiên tòa, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Nguyễn Hữu H phạm vào tội “*Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng số 154/CT-VKS ngày 25/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Do bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Do bị cáo không có công việc ổn Đ nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Bản thân bị cáo cùng Nguyễn Thị S1 tiêu xài số tiền thu nhập bất chính nên buộc bị cáo phải thực hiện hình phạt bổ S là phạt tiền mới thỏa đáng.

[7] Trong vụ án này có Nguyễn T2 S1, là người chủ mưu, rủ rê H thực hiện hành vi cho 14 người vay tiền để thu lợi bất chính 44.192.632 đồng và đã được xét xử tại Bản án số 14/2022/HS-ST ngày 11/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Đã được xem xét giải quyết tại Bản án số 14/2022/HS-ST ngày 11/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, nên không đề cập.

[9] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 (*một*) căn cước công dân và 01 (*một*) thẻ ATM mã thẻ 9704151545430333 đều mang tên Nguyễn Hữu H, xét thấy không liên quan đến việc giải quyết vụ án và thi hành án nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[10] *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT Đ:**

**1.** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “*Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự*”.

Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và 58 của Bộ luật hình sự,

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 13 (*mười ba*) tháng 12 (*mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ, tương đương với thời gian đã tạm giam 04 (*bốn*) tháng 14 (*mười bốn*) ngày (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

1.2. Miễn cản trừ thu nhập đối với bị cáo H

1.3. Phạt bổ S đối với bị cáo Nguyễn Hữu H số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

1.4. Căn cứ khoản 3 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng dân sự, trả tự do cho bị cáo Nguyễn Hữu H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ về một hành vi phạm tội nào khác.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, trả cho bị cáo 01 (một) căn cước công dân và 01(một) thẻ ATM mã thẻ 9704151545430333 đều mang tên Nguyễn Hữu H.

*(Theo biên bản giao, nhận tang vật ngày 25/7/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Công an tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huyền**

